

Số: 8882 /LN: STC-KBHN
V/v hướng dẫn công tác khóa sổ cuối
năm và lập quyết toán NSNN.

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018

- Kính gửi: - Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể thuộc thành phố Hà Nội;
- UBND các Quận, Huyện, Thị xã;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch các Quận, Huyện, Thị xã;
- Kho bạc Nhà nước các Quận, Huyện, Thị xã.

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 về hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc; số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước;

Căn cứ Công văn của Bộ Tài chính: số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau, số 15861/BTC-KBNN ngày 19/12/2018 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2018 trên TABMIS;

Liên ngành: Sở Tài chính - Kho bạc Nhà nước Hà Nội hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm như sau:

I. Công tác xử lý ngân sách nhà nước cuối năm và quyết toán ngân sách hàng năm: Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện theo mục I và II tại Hướng dẫn số 8652/LN:STC-KBHN ngày 28/12/2017 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm, lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; ngoài ra, lưu ý sửa đổi bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung thêm mẫu biểu số 06.02 - Quyết toán chi NSDP theo mục lục NSNN, sửa đổi mẫu biểu số 02 – Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp theo hình thức rút dự toán (*Có biểu mẫu kèm theo*). Phòng Tài chính kế hoạch các quận, huyện, thị xã lập báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách và báo cáo thu, chi ngân sách địa phương hàng năm theo mẫu biểu số 03 đến số 12 ban hành kèm Công văn số 8652/LN:STC-KBHN và mẫu biểu số 06.02 kèm theo Công văn này, trình UBND cấp huyện, gửi về Sở Tài chính đảm bảo thời gian quy định.

- Đối với biểu mẫu quyết toán ngân sách địa phương trình HĐND cấp huyện, cấp xã: Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

- Về files dữ liệu quyết toán: Căn cứ Điều 30 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã khi gửi báo cáo quyết toán NSNN năm 2017 về Sở Tài chính, gửi kèm files dữ liệu điện tử theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính số: 344/2016/TT-BTC, 137/2017/TT-BTC và báo cáo thu chi ngân sách chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước theo Công văn số 9763/BTC-NSNN ngày 25/07/2011 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định (*Files dữ liệu điện tử định dạng excel gửi về email: pthtk_sotc@hanoi.gov.vn và tonghopqlns@gmail.com*).

II. Công tác xử lý ngân sách cuối năm 2018 và chuyển nguồn ngân sách sang năm 2019

Ngoài các nội dung hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và quyết toán ngân sách nêu trên; công tác xử lý ngân sách cuối năm 2018 cần lưu ý triển khai thực hiện như sau:

1. Thời hạn chi, tạm ứng, đề nghị cam kết chi và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách

Năm 2018; thời hạn chi, tạm ứng ngân sách và đề nghị cam kết chi được thực hiện như sau:

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn ứng trước và cam kết chi từ nguồn vốn ứng trước năm 2018 và các khoản chi năm trước chuyển sang năm 2018) đối với các nhiệm vụ được giao trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31/12/2018. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách, đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết giờ làm việc ngày 30/12/2018. Không thực hiện tạm ứng ngân sách năm 2018 (cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) trong thời gian chính lý quyết toán (trừ trường hợp tạm ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được thực hiện đến hết ngày 31/01/2019). Đối với trường hợp cấp phát bằng lệnh chi tiền, các đơn vị gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính chậm nhất đến hết giờ làm việc ngày 28/12/2018.

b) Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng công việc đã thực hiện từ ngày 31/12/2018 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01/2019 và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2018. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng), đề

ngiht cam kết chi, theo chế độ quy định đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25/01/2019. Trường hợp cấp phát bằng lệnh chi tiền, các đơn vị gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính chậm nhất đến hết giờ làm việc ngày 24/01/2019.

c) Riêng về thời hạn hạch toán đối với vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cập nhật theo quy định tại Khoản 4 Điều 56n Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/ NĐ-CP ngày 16/03/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018), theo đó KBNN nơi giao dịch hoàn thành hạch toán các khoản chi từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi trong niên độ 2018 thực hiện trước ngày 31/03/2019.

Đối với số tiền đã giải ngân từ nguồn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho dự án nhưng chưa hạch toán ghi thu ghi chi còn lại từ năm 2017 trở về trước, KBNN nơi giao dịch thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi theo đề nghị của chủ đầu tư trong phạm vi kế hoạch vốn giao năm 2018 trước ngày 31/03/2019.

Trường hợp kế hoạch vốn năm 2018 không đủ, đề nghị chủ đầu tư có Công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2018 theo quy định.

d) Hết ngày 31/03/2019, các khoản kinh phí không được chuyển sang năm 2019, các đơn vị KBNN thực hiện hủy bỏ toàn bộ tại kỳ 13/2018.

2. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ kế toán 2018

2.1. Đối với cơ quan tài chính

a) Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, dự toán của các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm cơ quan tài chính (CQTC) nhập, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị vào TABMIS. Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra, rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 1, 2, 3) thuộc ngân sách trung ương, tỉnh, huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có).

b) Kiểm tra, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đồng cấp về số liệu chi ngân sách nhà nước bằng Lệnh chi tiền (bao gồm chi bằng Lệnh chi tiền kiểm soát dự toán, tạm ứng, ứng trước không kiểm soát dự toán)

c) Kiểm tra, đối chiếu với KBNN đồng cấp đối với dự toán chi chuyển giao chi tiết số đã giao, số đã rút dự toán, số dư dự toán còn lại, bao gồm:

- Dự toán chi chuyển giao trong năm
- Dự toán chi chuyển giao ứng trước
- Dự toán chi chuyển giao tạm ứng cho ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên (nếu có).
- Dự toán chi chuyển giao thường xuyên, đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (nếu có).

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ giao trong năm (nếu có).

- Dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giao cho địa phương thực hiện (nếu có).

d) Phối hợp với KBNN:

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán đối với ngân sách xã, trong trường hợp CQTC tổ chức nhập dự toán;

- Kiểm tra, đối chiếu về số dư nợ vay của ngân sách địa phương, xử lý kịp thời những chênh lệch (nếu có);

- Điều chỉnh, hủy bỏ doanh số, số dư các tài khoản dự toán có phát sinh số dư thực trên hệ thống TABMIS.

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

e) Phối hợp với các đơn vị sử dụng ngân sách, KBNN đồng cấp để phân tích nội dung các khoản phải nộp NSNN đối với số dư tài khoản tiền gửi không sử dụng tiếp phải nộp lại ngân sách nhà nước theo MLNS. Đơn đốc đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10/02/2019 để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách.

f) Kiểm tra, đối chiếu với Kho bạc Nhà nước (KBNN) đồng cấp về số liệu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, số tạm ứng quỹ dự trữ tài chính; tính toán chính xác số phải thu, số đã thu và số còn phải thu về phí tạm ứng ngân quỹ nhà nước (bao gồm phí trong hạn và phí quá hạn – nếu có); Xử lý kịp thời các khoản tạm vay, tạm ứng chi chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước đúng thời hạn quy định.

g) Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán niên độ năm 2018 (theo hướng dẫn Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm).

2.2. Đối với các đơn vị KBNN

a) Thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu 12 tháng (từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018). Trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước (từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/01/2019), các nội dung công việc thực hiện tương tự các công việc theo hướng dẫn tại Công văn số 5926 /KBNN-KTNN ngày 28/11/2018 của Kho bạc Nhà nước về việc rà soát, đối chiếu số liệu 11 tháng, chuẩn bị khóa sổ quyết toán năm 2018.

Trong đó, số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA với các chủ dự án được thực hiện đối chiếu như việc đối chiếu dự toán kinh phí và tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại KBNN theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại

Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc, Quyết định số 4377/QĐ-KBNN ngày 15/9/2017 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước về việc ban hành Quy trình nghiệp vụ thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Quyết định số 2899/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước về việc ban hành Quy trình nghiệp vụ thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước cấp huyện không tổ chức phòng.

Sau khi khoá sổ kế toán tháng 12/2018 và tháng 01/2019, các đơn vị KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán ngân sách niên độ 2018, đảm bảo khớp đúng giữa số liệu chi tiết với số liệu tổng hợp, số liệu của các báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp CQTC xác định số tạm ứng chi chuyển giao từ NS cấp trên cho NS cấp dưới cho nhiệm vụ chi thường xuyên, căn cứ đề nghị CQTC đồng cấp, KBNN thực hiện điều chỉnh số chi và dự toán từ dự toán chi chuyển giao ngân sách bằng dự toán ứng trước sang tài khoản chi và dự toán từ dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm với tính chất nguồn 27 (dự toán tạm ứng).

c) Trong thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách các cấp (từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/01/2019), thực hiện:

- Hạch toán các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phát sinh từ ngày 31/12/2018 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển;

- Hạch toán tạm ứng đối với vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán;

- Hạch toán các khoản ghi thu, ghi chi từ vốn viện trợ không hoàn lại theo lệnh ghi thu, ghi chi của cơ quan tài chính;

- Hạch toán các khoản ghi thu, ghi chi đối với các khoản chi nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo đề nghị của chủ dự án.

- Đối chiếu và điều chỉnh những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán.

c) Kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang về lệnh chi tiền và dự toán trên hệ thống TABMIS, xử lý hết số dư dự toán của các tài khoản dự toán phân bổ các cấp trung gian (cấp 1,2,3), đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2018 (theo hướng dẫn Công văn số 16864/BTC-KBNN ngày 25/11/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường rà soát, xử lý giao dịch dở dang trên hệ thống TABMIS phục vụ cho công tác khóa sổ quyết toán cuối năm 2016).

3. Chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019

3.1. Các khoản kinh phí được chuyển nguồn

Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán và số dư trên tài khoản tiền gửi ngân sách cấp đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán chưa thực hiện được hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm 2019 tiếp tục sử dụng, gồm:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm 2019 theo quy định, cụ thể:

- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN, Điều 76 Luật Đầu tư công, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ, Khoản 4 Điều 56n Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 của Chính phủ.

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2018 được xem xét kéo dài đến hết ngày 31/12/2019. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của từng dự án sang các năm sau. Phần vốn nước ngoài đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công hằng năm và đã được chính phủ Việt Nam nhận nợ nhưng chưa giải ngân, thời gian thực hiện và giải ngân được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau.

- Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017 đã được chuyển sang năm 2018, chỉ được giải ngân đến hết ngày 31/12/2018. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công sang năm 2019 theo từng dự án.

- Đối với số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm.

- Về quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định tại điểm a Tiết 3 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 thực hiện theo quy định tại Tiết 4 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018.

Lưu ý:

(1) Kinh phí chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung từ dự phòng ngân sách, tăng thu, tiết kiệm chi (không bao gồm nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất);

(2) Đối với vốn ngoài nước áp dụng cơ chế tài chính trong nước, xử lý tương tự như vốn trong nước;

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2018 (theo dõi mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán):

- Đối tượng áp dụng: Các trang thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị sang năm 2019 cho đơn vị:

Đơn vị gửi Kho bạc nhà nước (KBNN) nơi giao dịch trước ngày 10/02/2019: Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm; Quyết định lựa chọn nhà thầu, Hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2018 và còn thời hạn thực hiện thanh toán để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2019 cho đơn vị.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện dự án mua sắm trang thiết bị có thể gồm nhiều thành phần (mua thiết bị, tư vấn giám sát, mua phần mềm, sửa chữa, lắp đặt chạy thử, chi phí quản lý dự án...) để thực hiện cùng dự án trong giai đoạn được phê duyệt, và có thể có những nội dung chi không có hợp đồng thì phải đảm bảo các nội dung này đều là phục vụ hợp đồng chính về mua sắm trang thiết bị, hợp đồng ký trước ngày 31/12/2018 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, thì được chuyển nguồn sang năm 2019.

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội (theo dõi mã nguồn 14, 17):

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương (theo quy định của Điều 64 Luật NSNN và Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN) được bố trí trong dự toán NSNN bao gồm: (1) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên; (2) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước còn dư; (3) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bố trí dự toán ngân sách năm 2018; (4) 50% tăng thu ngân sách địa phương năm 2018 không kể tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (theo dõi mã nguồn 14 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương).

- Nguồn kinh phí chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và Tiết c, Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016 (theo dõi mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng).

Lưu ý: Các đơn vị sử dụng ngân sách, tổng hợp số dư kinh phí dự toán năm 2018 được chuyển nguồn theo quy định đối với nội dung chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công gửi KBNN nơi giao dịch để đề nghị điều chỉnh số dư kinh phí này từ mã nguồn hiện tại (mã nguồn 12, 29 - nếu có) sang mã nguồn 17 để được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

Từ năm 2019, đề nghị các cơ quan, đơn vị nhập dự toán kinh phí chi trợ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công trên Hệ thống

thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) vào mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

d) Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm cả kinh phí khoán chi quản lý tài chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi (theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ):

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm: số dư tại các đơn vị được giao, số dư tạm ứng ở cấp ngân sách theo chế độ quy định đã làm thủ tục xác nhận viện trợ, được chuyển nguồn sang năm 2019.

đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2018, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc (theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9): Khi chuyển nguồn sang năm 2019, chuyển sang mã nguồn 12 - Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán.

Lưu ý: Khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách được thể hiện trong văn bản của Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách địa phương (không phải từ quyết định giao dự toán của Đơn vị dự toán cấp I).

e) Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện (theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học): Đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ còn phải chi kinh phí cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, gửi văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện cho KBNN nơi giao dịch trước ngày 10/02/2019.

Lưu ý: Kinh phí nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được bố trí từ mã Loại 100-Khoa học và công nghệ theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước (các dự án triển khai phổ biến ứng dụng khoa học không thuộc quy định tại điểm này).

g) Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi năm 2018 được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm 2019.

3.2. Thủ tục chuyển nguồn sang năm sau

Thủ tục chuyển nguồn được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3.1, 4.2, 5.2, 7.2 mục I Hướng dẫn số 8652/LN:STC-KBHN ngày 28/12/2017 về việc hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm, lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; trong đó lưu ý:

- Trước ngày 10/02/2019, đơn vị lập bảng đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch về số dư dự toán, số dư tạm ứng và số dư trên tài khoản tiền gửi

ngân sách cấp KBNN tiếp tục kiểm soát chi theo quy định của Luật NSNN (nếu có), kèm theo các tài liệu liên quan để rà soát, đối chiếu chuyển nguồn sang ngân sách năm sau theo quy định.

- KBNN nơi đơn vị giao dịch căn cứ nội dung dự toán giao, thời hạn được chi, điều kiện được chuyển nguồn để xác nhận, chuyển nguồn sang năm sau đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước. KBNN các cấp tổng hợp, lập báo cáo chi tiết theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT- BTC.

- Cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) tổng hợp toàn bộ các khoản được chuyển nguồn (bao gồm: số liệu chuyển nguồn do KBNN cùng cấp báo cáo và các khoản được chuyển nguồn tại Khoản g, Mục 3.1 của Công văn này) và có văn bản gửi KBNN nơi giao dịch để hạch toán chi chuyển nguồn từ năm 2018 sang thu chuyển nguồn năm sau theo quy định tại Khoản 7 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

3.3. Báo cáo kết quả chuyển nguồn:

a) Để có cơ sở rà soát, đối chiếu và thuyết minh số liệu chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2018 sang năm 2019 phục vụ công tác tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2018, báo cáo UBND trình HĐND Thành phố; Liên ngành đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị thụ hưởng ngân sách cấp Thành phố thực hiện như sau:

- Đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Các đơn vị tổng hợp số liệu (chi tiết theo từng đơn vị cấp 2 và từng lĩnh vực chi), gửi Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước Hà Nội trước ngày 10/02/2019 để theo dõi, tổng hợp chung, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội, cụ thể:

+ Tổng hợp số liệu chuyển nguồn ngân sách vốn thường xuyên cấp Thành phố năm 2018 sang năm 2019 (theo mẫu biểu số 01a đính kèm).

+ Tổng hợp kinh phí sự nghiệp đã tạm ứng tại các đơn vị dự toán cấp thành phố năm 2018 và các năm trước không được chuyển nguồn sang năm 2019 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành nhưng chưa được thu hồi, trong đó lưu ý nêu rõ nguyên nhân, lý do chưa nộp trả và đề xuất phương án xử lý (theo mẫu biểu số 02a đính kèm).

- Đối với nguồn vốn chi đầu tư:

+ Các chủ đầu tư rà soát, đối chiếu các số dư với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch; báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước về việc kéo dài thời gian thực hiện, thanh toán và chuyển nguồn ngân sách vốn đầu tư cấp Thành phố sang năm 2018 theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

+ Các chủ đầu tư tổng hợp báo cáo số liệu chuyển nguồn ngân sách vốn đầu tư cấp Thành phố năm 2018 sang năm 2019, gửi Kho bạc nhà nước Hà Nội và Sở Tài chính trước ngày 28/02/2019 để theo dõi, tổng hợp chung, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội (theo mẫu biểu số 03a, 04a đính kèm).

b) Kho bạc nhà nước Hà Nội tổng hợp, lập báo cáo chi tiết về số liệu chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2018 sang năm 2019 theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT- BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; có Công văn gửi Sở Tài chính trước ngày 05/03/2019 để đối chiếu số liệu, phục vụ công tác quyết toán ngân sách năm 2018 (theo mẫu biểu số 01a, 02a, 03a, 04a đính kèm).

4. Các nội dung khác về việc khóa sổ thanh toán năm 2018: Đề nghị các đơn vị thực hiện theo Công văn hướng dẫn chi tiết của Kho bạc nhà nước Hà Nội.

Trên đây là một số nội dung chủ yếu về việc hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nội để nghiên cứu, thống nhất giải quyết./.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC *[Signature]*

Đào Thái Phúc

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC *[Signature]*

Hà Minh Hải

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Website Sở Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, STC, KBHN.

QUYẾT TOÁN CHI NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM...
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Hợp nhóm, Tiểu nhóm, Mục và Tiểu mục (hợp nhóm toàn bộ các cấp và hợp nhóm theo từng cấp)						

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm....
TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:.....

Mẫu biểu số 02

MÃ CHƯƠNG:.....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN NĂM... CHUYỂN SANG NĂM

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang ⁽²⁾	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh ⁽³⁾		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	12
1	CHI THƯỜNG XUYÊN⁽⁴⁾										
a	- Kinh phí được giao tự chủ										
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm										
...										
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)										
3	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5)										
1	Dự án A										
2										

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)

...., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP TẠI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2018 SANG NĂM 2019

(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)

STT	Tên đơn vị / nội dung	Mã số ĐVQHNS	KBNN nơi giao dịch	Dự toán được giao năm 2018 và chuyển nguồn năm trước sang			Thực hiện năm 2018	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2019						Số kinh phí đề nghị hủy bỏ, nộp trả	Thuyết minh lý do đề nghị chuyển nguồn	
				Tổng số	Số chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán năm 2018		Tổng số	Trong đó				Số dư đã phân bổ (cho cấp 2, cấp 3)			Số dư chưa phân bổ
									Số dư tài khoản tiền gửi	Số dư tạm ứng	Số dư dự toán	Số dư đã phân bổ				
1	Sở.....															
a	Chỉ hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể															
	* Đơn vị A															
	- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương															
	- Kinh phí thực hiện tự chủ															
	- Kinh phí chi mua sắm trang thiết bị đã có thủ tục															
	<i>Chi tiết theo danh mục mua sắm</i>															
	+															
	- Kinh phí được UBND Thành phố quyết định bổ sung sau ngày 30/9/2018															
	<i>Chi tiết theo nội dung nhiệm vụ</i>															
	+															
	- Kinh phí nghiên cứu khoa học															
	<i>Chi tiết theo đề tài, đề án</i>															
	+															
	* Đơn vị B															
b	Chi															

Đơn vị tính: Đồng

BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN CẤP THÀNH PHỐ KẾ HOẠCH GIAO NĂM 2018 SANG NĂM 2019*(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)*

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên đơn vị / nội dung (Chỉ tiết theo từng lĩnh vực)	Kế hoạch được giao năm 2018	Thực hiện năm 2018	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2019			Kinh phí hủy bỏ	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			
				Số dư tạm ứng	Số dư dự toán			
	Tổng số							
1	Dự dự toán, tạm ứng các dự án nguồn XDCB ngân sách Trung ương hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu							(Chi tiết theo PL 4.1 đính kèm)
2	Dự dự toán, tạm ứng các dự án nguồn XDCB tập trung và chương trình mục tiêu giải ngân qua kho bạc							(Chi tiết theo PL 4.2 đính kèm)
3	Dự tạm ứng các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố							(Chi tiết theo PL 4.3 đính kèm)
4	Chi tạm ứng XDCB đối trừ tiền sử dụng đất các dự án							(Chi tiết theo PL 4.4 đính kèm)
5	Chi tạm ứng XDCB từ nguồn vốn vay (vốn viện trợ) của NSTW							(Chi tiết theo PL 4.5 đính kèm)

DỰ DỰ TOÁN, TẠM ỨNG NGUỒN XDCB NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ, BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án (Chi tiết theo từng lĩnh vực)	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2018	Thực hiện năm 2018	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2019					Số kinh phí đề nghị hủy bỏ, nộp trả	Ghi chú
					Tổng số	Số dự tạm ứng	Số dự dự toán	Trong đó			
								Số dự dự toán vốn NSTW hỗ trợ chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Số dự dự toán vốn NSTW hỗ trợ còn nhiệm vụ chi chuyển nguồn sang năm sau chờ xử lý của cấp có thẩm quyền		
a	b	c	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng										
I	Chi quốc phòng										
1	Dự án A										
2	Dự án B										
II	Chi...										

DỰ DỰ TOÁN, TẠM ỨNG CÁC DỰ ÁN NGUỒN XDCB TẬP TRUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC HÀ NỘI

(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án (Chi tiết theo từng lĩnh vực)	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2018	Thực hiện năm 2018	Số kinh phí đề nghị chuyển nguồn sang năm 2019			Số kinh phí đề nghị hủy bỏ	Ghi chú
					Tổng số	Số tạm ứng	Số dự dự toán		
a	b	c	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số								
I	Chi quốc phòng								
1	Dự án X								
2	Dự án Y								
								
II	Chi...								
								

DỰ TẠM ỨNG CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ*(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên dự án (Chi tiết theo từng lĩnh vực)	Chủ đầu tư	Kế hoạch giao năm 2018	Thực hiện năm 2018	Số tạm ứng theo chế độ đề nghị chuyển nguồn sang năm 2019	Số kinh phí đề nghị hoàn trả	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số						
I	Chi quốc phòng						
1	Dự án X						
2	Dự án Y						
						
II	Chi...						
						

CHI TẠM ỨNG XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỐI TRỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	
1	Dự án X	
2	Dự án Y	
	

GHI CHI TẠM ỨNG TỪ NGUỒN VỐN VAY (VỐN VIỆN TRỢ) CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG*(Kèm theo Hướng dẫn số 8882/LN:STC-KBHN ngày 21/12/2018 của Liên ngành Sở Tài chính Hà Nội và KBNN Hà Nội)**Đơn vị tính: Đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	
1	Dự án X	
2	Dự án Y	
	